

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TIỀN LÃNG  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 69/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 05-12-2022  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Huyền Trang;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phạm Văn Tiến,

Ông Nguyễn Hữu Bình.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Ngọc Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 166/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị H, sinh năm 19xx, nơi ĐKKHKT: Thôn 15, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: Thôn H, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm 19xx, nơi cư trú: Thôn 15, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn (chị Vũ Thị H) trình bày: Chị và anh Trần Văn T tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 27 tháng 02 năm 1998. Anh chị sống hoà thuận được khoảng 10 năm thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh T không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng xảy ra xô xát, cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hoà giải nhưng không thành và ngày càng nghiêm trọng, do đó, anh chị đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau từ đầu năm 2010 đến nay. Nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, không thể đoàn tụ, chị H yêu cầu

Toà án giải quyết cho chị ly hôn anh T. Anh chị có 02 con chung là Trần Thị T, sinh năm 1998 và Trần Ngọc L, sinh ngày 01 tháng 12 năm 2004. Khi ly hôn chị H yêu cầu Toà án giao con Trần Ngọc L cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng cho con và tài sản chung chị và anh T tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08 tháng 11 năm 2022, anh Trần Văn T xác nhận những nội dung chị H khai về thời gian kết hôn, thời gian ly thân và tình trạng hôn nhân giữa anh và chị H là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm về việc chị H đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài từ năm 2005. Từ đó đến nay, chị H thường xuyên đề nghị ly hôn anh T, trước đây anh T không đồng ý, vì mong muốn các con được sống với cả bố và mẹ nhưng sau đó chị H bỏ đi, không liên lạc, không quan tâm gì đến anh nên anh không tiếp tục níu kéo và đồng ý ly hôn chị H. Anh và chị H có 02 con chung là Trần Thị T, sinh năm 1998 (đã thành niên, không phải nuôi dưỡng) và Trần Ngọc L, sinh ngày 01 tháng 12 năm 2004. Do các con đã lớn nên anh tôn trọng quyền lựa chọn của các con ở với ai khi bố mẹ ly hôn. Anh T không yêu cầu Toà án giải quyết về việc cấp dưỡng cho con và tài sản chung; đề nghị Toà án giải quyết vụ án vắng mặt anh.

Tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện: Anh Trần Văn T và chị Vũ Thị H là vợ chồng, quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là Trần Thị T, sinh năm 1998 và Trần Ngọc L, sinh ngày 01 tháng 12 năm 2004. Do mâu thuẫn nên anh chị đã sống ly thân nhau từ năm 2010 đến nay. Mặc dù địa phương không rõ nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị là gì nhưng anh chị đã sống ly thân thời gian dài; hơn 10 năm nay anh T sống một mình tại Thôn 15, xã H; anh chị không còn quan tâm đến nhau nên vợ chồng khó có khả năng đoàn tụ.

Tại phiên tòa: Các đương sự đều vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn (chị H) thay đổi quan điểm về con chung: Tính đến ngày xét xử sơ thẩm cháu L đã thành niên, không phải nuôi dưỡng nên chị không yêu cầu Toà án giải quyết; các yêu cầu khác vẫn giữ nguyên quan điểm. Bị đơn (anh T) không có văn bản thay đổi quan điểm của mình.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về phiên họp, hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục tố tụng; phiên tòa được mở đúng thời hạn; Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên họp, hoà giải và tại phiên tòa nhưng đã có đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

Về đường lối giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều

273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Trần Văn T. Không giải quyết về con chung và tài sản chung do đến ngày xét xử, các con của anh chị đã thành niên, không phải nuôi dưỡng và không ai có yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản chung nên không đề nghị giải quyết. Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1]. Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hôn nhân gia đình; bị đơn (anh Trần Văn T) cư trú tại Thôn 15, xã Hùng Thắng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị H, anh T.

- Về nội dung:

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của các đương sự phù hợp với tài liệu xác minh tại gia đình và địa phương, thể hiện: Chị Vũ Thị H và anh Trần Văn T tự nguyện kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T vào ngày 27 tháng 02 năm 1998 là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau từ năm 2010 đến nay. Các đương sự đều thừa nhận vợ chồng không còn tình cảm và đồng ý ly hôn. Xét thấy tình trạng hôn nhân của chị H và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận, xử cho chị H được ly hôn anh T.

[4]. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Trần Thị T, sinh năm 1998 và Trần Ngọc L, sinh ngày 01 tháng 12 năm 2004. Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm các con chung của anh chị đều đã thành niên, không phải nuôi dưỡng; không ai có yêu cầu khác nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[6]. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Chị Vũ Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị H, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị H được ly hôn anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Chị Hạnh, anh T có 02 con chung là Trần Thị T, sinh năm 1998 và Trần Ngọc L, sinh ngày 01 tháng 12 năm 2004 đều đã thành niên, không phải nuôi dưỡng nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết do đương sự không yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị H đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0006351 ngày 06 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng. Như vậy, chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- UBND xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng (ĐKKH 1998);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Huyền Trang**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN –  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hữu Bình**

**Phạm Văn Tiến**

**Phạm Thị Huyền Trang**